TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN TRƯỜNG** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2017/HSST
Ngày: 27 - 6 - 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Quân;

2. Ông Nguyễn Hồng Minh.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên toà: Bà Mai Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 32/2017/HSST ngày 02 tháng 6 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2017/HSST-QĐ ngày 12 tháng 6 năm 2017, đối với bị cáo:

Vũ Văn H, sinh năm 1977 tại xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nơi đăng ký HKTT và nơi ở: Thôn P, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; con ông Vũ Đức H, sinh năm 1939 và bà Vũ Thị D, sinh năm 1945 (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị D, sinh năm 1985 và 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2010; tiền án: 01, ngày 30/12/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xử phạt 09 tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/8/2016; tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/4/2017; có mặt.

- *Nguyên đơn dân sự*: Tòa giám mục B; địa chỉ: Thôn B, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự: Ông Vũ Đình T, sinh năm 1956; địa chỉ: Tòa giám mục B, thôn B, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1977; địa chỉ: Xóm 33, xã Xuân Hồng, huyện X, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1947; địa chỉ: Tòa giám mục B, thôn B, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ khoảng tháng 12/2016 đến ngày 29/4/2017, Vũ Văn H được ông Vũ Ngọc A thuê đi thu gom rác thải trên địa bàn xã X chở đến lò đốt rác thải của ông A. Ngày 27/4/2017, H đi xe ba gác có chữ " Xe môi trường" đến Tòa giám mục B ở thôn B, xã X thu gom rác thải thì phát hiện cổng chính ban ngày mở cửa, bên trong gần khu vực cổng phụ có các tấm tôn cũ, kích thước giống nhau (90 x 200) cm xếp chồng lên nhau nên H nảy sinh ý định chiếm đoạt. Khoảng 15 giờ 00 ngày 28/4/2017, H điều khiển xe ba gác đi vào lối cổng chính đến khu vực để đống tôn, H bê lên thùng xe khoảng 20 tấm tôn có khối lượng 150kg sau đó mang bán cho chị Nguyễn Thị N ở Xóm 33, xã Xuân Hồng làm nghề thu mua phế liệu với giá 4000đồng/kg được 600.000 đồng, số tiền này H đã chi tiêu hết. Đến khoảng 15 giờ 00 ngày 29/4/2017, H tiếp tục dùng xe ba gác đến mang hết 16 tấm tôn còn lại có khối lượng 143 kg lên xe ba gác thì gặp bà Nguyễn Thị C là người giúp việc cho Tòa giám mục, bà C hỏi thì H nói dối là mang số tôn này đi che xi măng cho Tòa giám mục nên bà C không nghi ngờ gì. Sau đó H mang số tôn đi bán cho chị N được 570.000 đồng và chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản, Tòa giám mục đã trình báo sự việc. Ngày 30/4/2017, Cơ quan CSĐT Công an huyện Xuân Trường đã thu giữ 36 tấm tôn trên tại cửa hàng của chị Nguyễn Thị N.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 11/KL – ĐGTS ngày 04/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Xuân Trường kết luận: 36 tấm tôn dạng sóng vuông, kích thước (90 x 200) cm/tấm, đã cũ, tổng khối lượng 293 kg có tổng trị giá là 1.172.000 đồng (*một triệu một trăm bảy mươi hai nghìn đồng*).

Cơ quan điều tra đã thu hồi 36 tấm tôn bị cáo trộm cắp trả lại cho Tòa giám mục B, đại diện Tòa giám mục không có yêu cầu bồi thường gì thêm về dân sự.

Đối với chiếc xe ba gác bị cáo sử dụng để vận chuyển số tôn trộm cắp, quá trình điều tra xác định là tài sản của ông Vũ Ngọc A, ông A không biết bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Xuân Trường đã trả lại chiếc xe cho ông A.

Chị Nguyễn Thị N đã mua 36 tấm tôn của bị cáo, chị N không biết là do bị cáo trộm cắp nên cơ quan điều tra đã nhắc nhở, rút kinh nghiệm. Chị N yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền 1.170.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 30/CT-VKS ngày 31/5/2017 của VKSND huyện Xuân Trường truy tố Vũ Văn H về tội " Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo phạm tội Trộm cắp tài sản. Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo hoàn trả cho chị Nguyễn Thị N số tiền 1.170.000 đồng.

Bị cáo không tranh luận gì với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo nhận tội và trong lời nói sau cùng bị cáo hứa sửa chữa lỗi lầm, đồng thời xin được xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên toà; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận về hành vi thực hiện như đã nêu trên. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa cũng phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của đại diện nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng đã thu giữ được. Như vậy đã đủ cơ sở xác định: Trong các ngày 28/4/2017 và 29/4/2017, lợi dụng việc thu gom rác thải Vũ Văn H đã hai lần có hành vi lén lút chiếm đoạt tổng số 36 tấm tôn cũ có tổng khối lượng 293 kg trị giá 1.172.000 đồng (*một triệu một trăm bảy mươi hai nghìn đồng*) của Tòa giám mục B. Tuy giá trị tài sản bị chiếm đoạt dưới hai triệu đồng nhưng bị cáo đã có 01 tiền án về tội " Trộm cắp tài sản" chưa được xóa án tích nên hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng của VKSND huyện Xuân Trường truy tố bị cáo là có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội.

[2] Hành vi trộm cắp tài sản của người khác của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bản thân bị cáo có năng lực hành vi đầy đủ, đã từng bị Tòa án kết án phạt tù về tội " Trộm cắp tài sản" năm 2015 nhưng vẫn tiếp tục phạm tội vì vậy cần phải xử lý nghiêm khắc.

[3] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo đã hai lần thực hiện hành vi phạm tội, mỗi lần đều đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

[4] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

[5 Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo, tiếp tục cách ly bị cáo khỏi cộng đồng xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời góp phần đấu tranh và phòng ngừa chung.

[6] *Về hình phạt bổ sung*: Theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 05 triệu đồng đến 50 triệu đồng. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo có công việc không ổn định, thu nhập thấp, kinh tế gia đình khó khăn, có con nhỏ còn phải nuôi dưỡng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[7] *Về bồi thường dân sự:* Tài sản do bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi nguyên vẹn trả lại cho Tòa giám mục B, đại diện của nguyên đơn dân sự không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

[8] Đối với chị Nguyễn Thị N đã mua 36 tấm tôn cũ của bị cáo với giá 1.170.000 đồng nhưng không biết là do bị cáo phạm tội mà có, quá trình điều tra chị N đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tôn trên và yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền đã mua. Căn cứ khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Hình sự cần buộc bị cáo hoàn trả lại số tiền trên cho chị N.

[9] *Về án phí*: Bị cáo Vũ Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 và

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Vũ Văn H phạm tội " Trộm cắp tài sản";

2. Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Vũ Văn H 09 (*chín*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ (ngày 30 tháng 4 năm 2017).

3. Về bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Vũ Văn H phải hoàn trả 1.170.000 đồng (*một triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng*) cho chị Nguyễn Thị N.

4. Về án phí: Bị cáo Vũ Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- Sở tư pháp tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Xuân Trường;
- Chi cục THADS huyện Xuân Trường;
- Công an huyện Xuân Trường;
- UBND xã X;
- Bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên, đóng dấu)

Phạm Trung Kiên